TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BÀU BÀNG** **TỈNH BÌNH DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 04/2020/QĐST-HNGĐ	*Bàu Bàng, ngày 19 tháng 11 năm 2020*

QUYẾT ĐỊNH
SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC HÔN NHÂN VÀ GIA ĐÌNH

V/v Yêu cầu xác định cha cho con

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÀU BÀNG, TỈNH BÌNH DƯƠNG

Thành phần giải quyết việc hôn nhân và gia đình gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp: Bà Huỳnh Kim Xuyến.

***Thư ký phiên họp*:** Bà Phan Thị Phương, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương tham gia phiên họp*:** Ông Nguyễn Văn Vui - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 11 năm 2020, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc hôn nhân và gia đình thụ lý số 116/2020/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 10 năm 2020 về việc yêu cầu xác định cha cho con theo Quyết định mở phiên họp sơ thẩm giải quyết việc hôn nhân và gia đình số: 03/2020/QĐST-HNGĐ ngày 11 tháng 11 năm 2020, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu giải quyết việc hôn nhân và gia đình:* Chị Nguyễn Thị Ngọc Tr, sinh năm 1997; địa chỉ: ấp K, xã H, huyện B, tỉnh Bình Dương.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*: Ông Bùi Văn P, sinh năm 1966; địa chỉ: ấp K, xã H, huyện B, tỉnh Bình Dương.

NỘI DUNG VIỆC HÔN NHÂN VÀ GIA ĐÌNH:

Tại Đơn yêu cầu giải quyết việc hôn nhân và gia đình ngày 10 tháng 8 năm 2020, trong quá trình giải quyết và tại phiên họp sơ thẩm, người yêu cầu giải quyết việc hôn nhân và gia đình chị Nguyễn Thị Ngọc Tr trình bày:

Chị Tr là con của ông Bùi Văn P và bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1962, chết năm 2003 do bệnh. Sau khi bà T chết, chị Tr ở cùng ông P đến nay.

Theo giấy khai sinh của chị Tr chỉ ghi tên mẹ là bà T, không ghi tên cha là ông P; họ của chị Tr được xác định theo họ của bà T. Lý do: ông P và bà T chung sống với nhau từ năm 1995 nhưng không đăng ký kết hôn. Năm 1997, bà T sinh chị Tr; ông P đi làm xa, hai đến ba tháng ông P mới về nhà một lần. Bà T

một mình nuôi chị Tr nên khi đăng ký khai sinh cho chị Tr, bà T không khai tên cha là ông P mà chỉ khai tên mẹ là bà T.

Nay, chị Tr yêu cầu Tòa án giải quyết xác định ông P là cha chị Tr để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp cho chị Tr.

Tại Bản tự khai ngày 12 tháng 10 năm 2020, trong quá trình giải quyết và tại phiên họp sơ thẩm, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Bùi Văn P trình bày:

Ông P xác định chị Tr là con của ông P, hiện ở cùng với ông P.

Ông P và bà Nguyễn Thị T có chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1995 nhưng không đăng ký kết hôn. Năm 2003, bà T chết do bị xuất huyết não. Quá trình chung sống ông P và bà T có một con chung là chị Tr, sinh ngày 10 tháng 01 năm 1997.

Tuy nhiên, theo giấy khai sinh của chị Tr chỉ ghi tên mẹ là bà T và chị Tr theo họ mẹ, không ghi tên cha là ông P. Lý do khi đó ông P thường đi làm xa, không có liên lạc về nhà, bà T đã tự đăng ký khai sinh cho chị Tr. Do giấy khai sinh của chị Tr không ghi tên cha là ông P nên trong sổ hộ khẩu của ông P ghi chị Tr là cháu ông P.

Nay chị Tr yêu cầu Tòa án xác định ông P là cha của chị Tr là đúng, ông P thống nhất và không có ý kiến gì khác.

Tại Kết luận giám định số 5694/C09B ngày 05 tháng 11 năm 2020 của Phân viện Khoa học Hình sự tại Thành phố H - Viện Khoa học hình sự, kết luận: ông P và chị Tr có quan hệ huyết thống cha - con.

Các đương sự thống nhất với kết luận giám định.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc giải quyết việc dân sự: qua nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc dân sự được thẩm tra tại phiên họp và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên họp, căn cứ Điều 25 và Điều 39 của Bộ luật Dân sự, Điều 102 của Luật Hôn nhân và gia đình, đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu của chị Tr.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc hôn nhân và gia đình được thẩm tra tại phiên họp; ý kiến của các đương sự và đại diện Viện kiểm sát tại phiên họp, Tòa án nhân dân huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương nhận định:

[1] Yêu cầu của chị Tr là yêu cầu về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 10 Điều 29 của Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 101 của Luật Hôn nhân và gia đình. Chị Tr có nơi cư trú tại ấp K, xã H, huyện B, tỉnh Bình Dương nên thẩm quyền giải quyết thuộc Tòa án nhân dân huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 35 và điểm t khoản 2 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Xét đơn yêu cầu của chị Tr yêu cầu Tòa án xác định ông P là cha cho chị Tr:

[2.1] Trên cơ sở lời trình bày của chị Tr, ông P và qua xem xét công khai các tài liệu, chứng cứ tại phiên họp, xét thấy: chị Tr và ông P đều khai thống nhất, chị Tr là con của ông P và bà T; bà T chết năm 2003 do bệnh. Hiện chị Tr ở cùng ông P. Theo giấy khai sinh của chị Tr chỉ ghi tên mẹ là bà T, không ghi tên cha là ông P; họ của chị Tr được xác định theo họ của bà T; do ông P thường đi làm xa, không có liên lạc về nhà, bà T đã tự đăng ký khai sinh cho chị Tr. Nay chị Tr yêu cầu Tòa án xác định ông P là cha cho chị Tr là phù hợp theo quy định tại Điều 25 và Điều 39 của Bộ luật Dân sự, khoản 1 Điều 90 và Điều 102 của Luật Hôn nhân và gia đình. Ông P thống nhất yêu cầu của chị Tr.

[2.2] Kết luận giám định số 5694/C09B ngày 05 tháng 11 năm 2020 của Phân viện Khoa học Hình sự tại Thành phố H - Viện Khoa học hình sự, kết luận: ông P và chị Tr có quan hệ huyết thống cha - con.

[2.3] Ý kiến của Kiểm sát viên đề nghị chấp nhận yêu cầu của chị Tr là phù hợp.

[2.4] Từ những phân tích trên, Tòa án chấp nhận yêu cầu của chị Tr, xác định ông P là cha cho chị Tr.

[3] Lệ phí sơ thẩm giải quyết yêu cầu về hôn nhân và gia đình: chị Tr phải chịu lệ phí sơ thẩm theo quy định tại khoản 1 Điều 6 và khoản 1 Điều 37 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 10 Điều 29, điểm a khoản 2 Điều 35, điểm t khoản 2 Điều 39, Điều 361, Điều 366, Điều 370, Điều 371 và Điều 372 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ vào Điều 25 và Điều 39 của Bộ luật Dân sự; khoản 1 Điều 90, khoản 2 Điều 101 và Điều 102 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 6 và khoản 1 Điều 37 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Chấp nhận yêu cầu xác định cha cho con của chị Nguyễn Thị Ngọc Tr đối với ông Bùi Văn P.

Xác định ông Bùi Văn P, sinh năm 1966 là cha của chị Nguyễn Thị Ngọc Tr, sinh năm 1997.

- Lệ phí sơ thẩm giải quyết yêu cầu về hôn nhân và gia đình: Chị Nguyễn Thị Ngọc Tr phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số AA/2016/0039016 ngày 21 tháng 9 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự

huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương. Chị Nguyễn Thị Ngọc Tr đã nộp xong lệ phí.

- Quyền kháng cáo, kháng nghị:

Người yêu cầu, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo quyết định trong hạn 10 (mười) ngày, kể từ ngày Tòa án ra quyết định.

Viện kiểm sát nhân dân huyện Bàu Bàng có quyền kháng nghị quyết định giải trong hạn 10 (mười) ngày, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương có quyền kháng nghị trong hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày Tòa án ra quyết định.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- VKSND huyện Bàu Bàng;
- Các đương sự;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện B;
- UBND xã H, huyện B;
- Cổng thông tin điện tử của Tòa án (nếu có);
- Lưu: hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN

Huỳnh Kim Xuyến